

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2022.
V/v: “Ly hôn giữa chị H và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Quang.

Ông Nguyễn Thế Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị H; Sinh năm: 1997(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Bản Thái, xã Mường Đăng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1988(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Xối Trì, xã Nam T, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2021 được bổ sung tại bản tự khai ngày 16/12/2021 và trong toàn bộ quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam T, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau và không hợp, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách bất đồng không có tiếng nói

chung. Từ tháng 3/2020 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hà Linh, sinh ngày 15/10/2016. Hiện cháu Linh đang ở cùng chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang mở tiệm cắt tóc tại nhà nên thu nhập mỗi tháng được 6.000.000 đồng, chị đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lò Thị H vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Trong toàn bộ quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị Lò Thị H và anh Nguyễn Văn T, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cho chị Lò Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hà Linh, sinh ngày 15/10/2016. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn; Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên

tòa, không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Lò Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 02 tháng 03 năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam T, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Trong suốt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án để làm việc điều đó thể hiện anh T có ý thức bỏ mặc và không tha thiết với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hà Linh, sinh ngày 15/10/2016, hiện con chung đang ở cùng chị H. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy: để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của con chung, tiếp tục giao con chung Hà Linh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này, anh T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo chấp thuận bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hà Linh, sinh ngày 15/10/2016. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004529 ngày 16/12/2021.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã Nam T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

